

Số: /QĐ-UBND

Hoàng Phong, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG PHONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2021;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ KHCN về việc công bố mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn 9001: 2015 cho các cơ quan tổ chức thuộc hệ thống nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động của UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Phong về việc ban hành Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND xã Hoàng Phong; Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 Về việc ban hành Mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng của UBND xã Hoàng Phong năm 2022;

Theo đề nghị của công chức Văn phòng – thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND xã Hoàng Phong phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định

số 19/2014/QĐ-TTg ngày 5/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Ban Chỉ đạo ISO, phụ trách các lĩnh vực thuộc phạm vi áp dụng của HTQLCL này có trách nhiệm nắm bắt và thi hành công việc của mình theo đúng quy trình của hệ thống tài liệu trên.

Điều 3: Công chức Văn phòng – thống kê, các thành viên Ban chỉ đạo ISO UBND xã, công chức chuyên môn các lĩnh vực và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (T/hiện) ;
- Sở KH&CN Tỉnh,
- UBND huyện (b/c);
- Đảng ủy, HĐND xã (B/c);
- Lưu: VT, BCD.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Sỹ Hiệp

PHỤ LỤC

Các lĩnh vực hoạt động của UBND xã Hoàng Phong
được công bố lại phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
(Kèm theo Quyết định số: 107/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2023
của Chủ tịch xã UBND xã Hoàng Phong)

DANH MỤC TÀI LIỆU NỘI BỘ HIỆN HÀNH XÃ HOÀNG PHONG
NĂM 2023

S T T	Tên tài liệu	Mã số	Quyết định công bố TTHC	Ghi chú
1.	Sổ tay chất lượng	ST.01		Văn phòng
2.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu, hồ sơ	QT.01		Văn phòng
3.	Quy trình xem xét hệ thống quản lý chất lượng của lãnh đạo	QT.02		Văn phòng
4.	Quy trình đánh giá chất lượng nội bộ	QT.03		Văn phòng
5.	Quy trình hành động khắc phục phòng ngừa	QT.06		Văn phòng
6.	Quy trình Thống kê, phân tích, cải tiến	QT.07		Văn phòng
7.	Quy trình Quản lý văn bản đi và đến	QT.08		Văn phòng
8.	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QT.05MT (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
9.	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	QT.06MT (ban hành lần 1 năm 2020)	Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 07/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
10.	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT.01 HTX&PTNT (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 4468/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	

11.	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT.02 HTX&PTNT (ban hành lần 1 năm 2019)		
12.	Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa	QT.02TTr (ban hành lần 1 ngày 28/4/2020)	Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 17/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	
13.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND xã	QT.01TL (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
14.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND xã	QT.02TL (ban hành lần 1 năm 2019)		
15.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QT.03TL (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 4468/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	
16.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	QT.01PTNT (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
17.	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	QT.10ĐTNĐ (ban hành lần 1 năm 2019)		
18.	Đăng ký khai thác nước dưới đất	QT.01TNN	Quyết định số	Công chức

		(ban hành lần 1, năm 2019)	4441/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	ĐC - NN
19.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	QT.01GN (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Công chức Văn hóa - XH (phụ trách chính sách)
20.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	QT.02GN (ban hành lần 1 năm 2019)		
21.	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	QT.01PCTN (ban hành lần 1 ngày 14/11/2016)	Quyết định số 3863/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh	
22.	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	QT.02PCTN (ban hành lần 1 năm 2019)		
23.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT.05PCTN (ban hành lần 1 năm 2019)		
24.	Phê duyệt biên bản họp Tổ Tiết kiệm và vay vốn.	QT.01TD	Quyết định số 1958/QĐ-UBND ngày 26/6/2009 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
25.	Xác nhận danh sách hộ gia đình nghèo đề nghị vay vốn ngân hàng chính sách xã hội.	QT.02TD		
26.	Xác nhận danh sách học sinh, sinh viên đề nghị vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội	QT.03TD		
27.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia	QT.01LĐTL	Quyết định số 4293/QĐ-UBND ngày 01/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
28.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn	QT.01TE (ban hành lần 1 năm	Quyết định số 3479/QĐ-UBND ngày 14/9/2017	

	hại cho trẻ em	2019)	của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
29.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT.02TE (ban hành lần 1 năm 2019)		
30.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	QT.03TE (ban hành lần 1 năm 2019)		
31.	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình người chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	QT.04TE (ban hành lần 1 năm 2019)		
32.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	QT.05TE (ban hành lần 1 năm 2017)		
33.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc nuôi dưỡng hàng tháng	QT.BTXH01 (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
34.	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.	QT.BTXH02 (ban hành lần 1 năm 2019)		
35.	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.BTXH03 (ban hành lần 1 năm 2019)		
36.	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT.BTXH04 (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
37.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QT.BTXH08 (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
38.	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT.BTXH09 (ban hành lần 1 năm 2019)		

		2017		
39.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QT.BTXH10 (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
40.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	QT.BTXH11 (ban hành lần 1 năm 2019)		
41.	Hỗ trợ chi phí mai táng phí cho đối tượng BTXH được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	QT.BTXH06 (ban hành lần 1 năm 2019)		
42.	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2014-2015 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	QT.BTXH12 (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 4896/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
43.	Hỗ trợ chi phí khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (đối với các đối tượng mà thân nhân hưởng chính sách hỗ trợ từ nguồn kinh phí giao cho địa phương phụ trách)	QT.BTXH13 (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
44.	Tiếp nhận đối tượng BTXH có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	QT.BTXH14 (ban hành lần 1 năm 2019)		
45.	Tiếp nhận đối tượng BTXH có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT.BTXH15 (ban hành lần 1 năm 2019)		
46.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở bảo trợ xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	QT.BTXH16 (ban hành lần 1 năm 2019)		
47.	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	QT.BTXH17 (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 3587/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	

48.	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	QT.NCC01 (ban hành năm 2019)	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
49.	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	QT.NCC03 (ban hành năm 2019)		
50.	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	QT.NCC04 (ban hành năm 2019)		
51.	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.NCC05 (ban hành năm 2019)		
52.	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.NCC06 (ban hành năm 2019)		
53.	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	QT.NCC07 (ban hành năm 2019)		
54.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT.NCC08 (ban hành năm 2019)		
55.	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	QT.NCC09 (ban hành năm 2019)		
56.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT.NCC11 (ban hành năm 2019)		
57.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT.NCC12 (ban hành năm 2019)		
58.	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	QT.NCC13 (ban hành năm 2019)		
59.	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ, đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	QT.NCC15 (ban hành năm 2019)		
60.	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân người có công	QT.NCC16 (ban hành năm 2019)		
61.	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng LLVTND, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	QT.NCC17 (ban hành năm 2019)		

62.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ Quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT.NCC18 (ban hành năm 2019)		
63.	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ Quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	QT.NCC19 (ban hành năm 2019)		
64.	Hỗ trợ , di chuyển hài cốt liệt sĩ	QT.NCC21 (ban hành năm 2019)		
65.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT.NCC22 (ban hành năm 2019)		
66.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT.NCC23 (ban hành năm 2019)		
67.	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ , Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT.NCC14 (ban hành năm 2019)	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
68.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với Cựu chiến binh			
69.	Giải quyết mai táng phí đối với TNXP thời kỳ chống Pháp			
70.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang Lào, Campuchia			
71.	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	QT.01DS (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	Công chức VH -XH (phụ trách văn hóa)
72.	Hòa giải tranh chấp đất đai cấp xã	QT.01ĐĐ (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 4220/QĐ-UBND ngày 15/10/2019	Công chức Địa chính - XD

		2019)	của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
73.	Cung cấp dữ liệu đất đai cấp xã	QT.02ĐĐ (ban hành lần 1, năm 2019)	Quyết định số 4441/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
74.	Cấp thẻ khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.01BVTE		Công chức Tư pháp - HT
75.	Cấp lại thẻ khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.02BVTE		
76.	Đổi thẻ khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.03BVTE		
77.	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QT.01GDPL (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	Công chức Tư pháp - HT
78.	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	QT.02GDPL (ban hành lần 1 năm 2019)		
79.	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT.01HGCS (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
80.	Công nhận hòa giải viên	QT.02HGCS (ban hành lần 1 năm 2019)		
81.	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải viên	QT.03HGCS (ban hành lần 1 năm 2019)		
82.	Thôi hòa giải viên	QT.04HGCS (ban hành lần 1 năm 2019)		
83.	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT.05HGCS (ban hành lần 1 năm		

		2019)		
84.	Kê khai tài sản, thu nhập	QT.01PCTN (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
85.	Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập	QT.02PCTN (ban hành lần 1 năm 2019)		
86.	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT.03PCTN (ban hành lần 1 năm 2019)		
87.	Thủ tục thực hiện việc giải trình	QT.04PCTN (ban hành lần 1 năm 2019)		
88.	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	QT.01KN (ban hành lần 1 năm 2019)		
89.	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	QT.01TC (ban hành lần 1 năm 2019)		
90.	Tiếp công dân tại cấp xã	QT.01TCD (ban hành lần 1 năm 2019)		
91.	Xử lý đơn tại cấp xã	QT.01XLĐT (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
92.	Đăng ký khai sinh	QT.HT01 (ban hành lần 1 năm 2019)		
93.	Đăng ký kết hôn	QT.HT02 (ban hành lần 1 năm 2019)		
94.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.HT03 ((ban hành		

		lần 1 năm 2019)		
95.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.HT04 (ban hành năm 2019)		
96.	Đăng ký khai tử	QT.HT05 (ban hành năm 2019)		
97.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	QT.HT06 (ban hành năm 2019)		
98.	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT.HT07 (ban hành năm 2019)		
99.	Đăng ký lại khai sinh	QT.HT08 (ban hành năm 2019)		
100	Đăng ký lại khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.HT09 (ban hành năm 2019)		
101	Đăng ký lại kết hôn	QT.HT10 (ban hành năm 2019)		
102	Đăng ký lại khai tử	QT.HT11 (ban hành năm 2019)		
103	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT.HT12 (ban hành năm 2019)		
104	Đăng ký khai sinh lưu động	QT.HT13 (ban hành năm 2019)		
105	Đăng ký kết hôn lưu động	QT.HT14 (ban hành năm 2019)		
106	Đăng ký khai tử lưu động	QT.HT15 (ban hành năm 2019)		
107	Đăng ký giám hộ	QT.HT16 (ban hành năm 2019)		
108	Đăng ký chấm dứt giám hộ	QT.HT17 (ban hành năm 2019)		

109	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.HT18 (ban hành năm 2019)	Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa
110	Đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.HT19 (ban hành năm 2019)	
111	Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú hưởng chế độ tử tuất, hỗ trợ chi phí mai táng phí	QT.HT20 (ban hành năm 2019)	Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa
112	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT.NCN01 (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 1880/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa
113	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT.NCN02 (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 2628/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa
114	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT.01CT (ban hành 2019)	Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa
115	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT.02CT (ban hành 2019)	
116	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	QT.03CT (ban hành 2019)	
117	Chứng thực sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng giao dịch	QT.04CT (ban hành 2019)	
118	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.05CT (ban hành	

		2019)		
119	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng gia dịch đã được chứng thực	QT.06CT (ban hành 2019)		
120	Chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	QT.07CT (ban hành 2019)		
121	Chứng thực di chúc	QT.08CT (ban hành 2019)		
122	Chứng thực văn bản từ chối di sản	QT.09CT (ban hành 2019)		
123	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.10CT (ban hành 2019)		
124	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT.01BTNN (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
125	Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách thôi đảm nhiệm chức danh sau khi sáp nhập để thành lập thôn, tổ dân phố mới	QT.01CQ (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 3586/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	Văn phòng
126	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	QT.01VH (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 4531/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	Công chức VH -XH (phụ trách văn hóa
127	Xét tặng giấy khen Gia đình văn hóa	QT.02VH (ban hành lần 1 năm 2019)		
128	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	QT.01GD (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
129	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT.02GD (ban hành lần 1 năm 2019)		

		2019)		
130	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	QT.03GD ((ban hành lần 1 năm 2019))		
131	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT.04GD (ban hành lần 1 năm 2019)		
132	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT.05GD (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 3533/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
133	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	QT.01TDTT ((ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 3577/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
134	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1000 bản	QT.01TV (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 3449/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
135	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QT.01TG (ban hành lần 1 năm 2019)		
136	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	QT.02TG ((ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
137	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.03TG (ban hành lần 1 năm 2019)		
138	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT.04TG (ban hành lần 1 năm 2019)		

139	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT.05TG (ban hành lần 1 năm 2019)		
140	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.06TG (ban hành lần 1 năm 2019)		
141	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	QT.07TG (ban hành lần 1 năm 2019)		
142	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trên địa bàn xã khác	QT.08TG (ban hành lần 1 năm 2019)		
143	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.09TG (ban hành lần 1 năm 2019)		
144	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT.10TG (ban hành lần 1 năm 2019)		
145	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	QT.01LH (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 4061/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	Công chức văn phòng
146	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT.TĐKT02 (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 3587/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
147	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	QT.TĐKT03 (ban hành lần 1 năm 2019)		
148	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	QT.TĐKT04 (ban hành lần 1 năm 2019)		
149	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	QT.TĐKT05 (ban hành lần 1 năm 2019)		

		lần 1 năm 2019)		
150	Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT.TĐKT06 (ban hành lần 1 năm 2019)		
151	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT.TĐKT07 (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	Công chức VH – XH (phụ trách chính sách)
152	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT.TĐKT08 (ban hành lần 1 năm 2019)		
153	Công nhận “Tổ dân phố kiểu mẫu”	QT.TĐKT 09 (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 5012/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	Công chức VH - XH
154	Công nhận danh hiệu “gia đình kiểu mẫu”	QT.TĐKT 10 (ban hành lần 1 năm 2019)		
155	Công nhận danh hiệu “Công dân kiểu mẫu” thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa	QT.TĐKT 11 (ban hành lần 1 năm 2019)		
156	Công nhận Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi; Chi hội nông dân tổ chức phong trào giỏi cấp xã	QT.TĐKT01 (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	Công chức VP - TK

157	Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ	QT.01CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)	Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa-	Công chức Xã đội trưởng
158	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần, cấp “Giấy chứng nhận” đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế	QT.02CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
159	Thủ tục xác nhận đối với quân nhân đã xuất ngũ bị bệnh cũ tái phát dẫn đến Tâm thần quy định tại Điểm h, Khoản 1, Điều 33 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP	QT.03CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
160	Thủ tục xác nhận liệt sĩ đối với những trường hợp mất tin, mất tích quy định tại Điểm K, Khoản 1, Điều 17 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP sau khi cơ quan có thẩm quyền kết luận chưa có chứng cứ phản bội, đầu hàng, chiêu hồi, đào ngũ	QT.04CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
161	Thủ tục cấp lại hồ sơ và giải quyết truy lĩnh trợ cấp thương tật đối với thương binh ngừng hưởng do khách quan hoặc thất lạc hồ sơ	QT.05CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
162	Thủ tục xác nhận đối với người bị thương đã chuyển ra ngoài Quân đội chưa được giám định thương tật	QT.06CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		

163	Thủ tục xác nhận liệt sĩ đối với những trường hợp hy sinh từ 31/12/1994 trở về trước	QT.07CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
164	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần)	QT.08CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
165	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong Quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	QT.09CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
166	Thủ tục giải quyết chế độ hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	QT.10CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
167	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên Quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 có dưới 15 năm công tác đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (đối tượng thuộc	QT.11CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		

	thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng)			
168	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, công nhân viên chức Quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối với đối tượng đã từ trần do Bộ Quốc phòng giải quyết	QT.12CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
169	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức Nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã thôi việc, đã về gia đình (đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	QT.13CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
170	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức Nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã thôi việc, đã về gia đình (đối tượng đã từ trần) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	QT.14CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		

171	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	QT.15CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
172	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (bao gồm cả đối tượng đã từ trần)	QT.16CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
173	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có từ đủ 15 đến dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương	QT.17CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
174	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg	QT.18CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
175	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác)	QT.19CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
176	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng), đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ	QT.20CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		

177	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng)	QT.21CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
178	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội theo Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	QT.22CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
179	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội theo Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng lập hồ sơ lần đầu)	QT.23CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
180	Thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội đã được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg (nay bổ sung đối tượng theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg)	QT.24CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
181	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội tham gia chiến đấu, hoạt động ở chiến trường B, C, K sau đó trở thành người hưởng lương	QT.25CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
182	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	QT.26CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		

183	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước	QT.27CSQP (ban hành lần 1 năm 2019)		
-----	--	--	--	--

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG PHONG

**Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND xã Hoàng Phong
phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các lĩnh vực
hoạt động thực hiện chức năng quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục
hành chính trên địa bàn xã**

*(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 107/QĐ-UBND
ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Phong)*

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành

Hoàng Phong, ngày 07 tháng 11 năm 2023

CHỦ TỊCH

Nguyễn Sỹ Hiệp